

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phi thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSGTSGGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
1	1.012752	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án cơ sở dự án đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (2)		(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.840.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 2.090.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.748.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.985.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 15.000 đồng/giấy. <p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 600.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	
2	1.012755	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án cơ sở dự án đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (2)		(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.840.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 2.090.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.748.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.985.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 15.000 đồng/giấy. <p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 600.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	

STT	Mã TTIC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTGLVD		Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSGTGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
3	1.012757	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án cơ sở dựng đất	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (2)		(1) UBND cấp tỉnh a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. c) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính. (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	* Đối với hồ sơ tổ chức: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.840.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 2.090.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.748.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.985.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 15.000 đồng/giấy. * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 600.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy.	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023. (4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (5) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (6) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung THHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	1.012758	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (1)		(1) UBND cấp tỉnh a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích c) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính. (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.	* Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy. * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy.	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung THHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
5	1.012759	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (1)		(1) UBND cấp tỉnh a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. c) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính. (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.	* Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy. * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy.	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung THHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TTIC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSGLVĐ		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSGTSGLVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
6	1.012760	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (1)		(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. c) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) UBND cấp tỉnh * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; (4) Cơ quan thuế (nếu có) - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	(1) UBND cấp tỉnh * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; (4) Cơ quan thuế (nếu có) - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; + Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
7	1.012761	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (2)		(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. c) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) UBND cấp tỉnh * Đối với hồ sơ tổ chức: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.840.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 2.090.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; (4) Cơ quan thuế (nếu có) - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	(1) UBND cấp tỉnh * Đối với hồ sơ tổ chức: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.748.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.985.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; (4) Cơ quan thuế (nếu có) - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 15.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 600.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy.	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TT/C	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN/QSD, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCN/QSD, QSGTGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
8	1.012762	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (1)		<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh</p> <p>(3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(4) Cơ quan thuế (nếu có)</p>	<p>1. Đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận:</p> <p>a) Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.840.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 2.090.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.</p> <p>b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p> <p>2. Đối với trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>a) Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>1. Đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận:</p> <p>a) Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.748.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.985.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.</p> <p>b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p> <p>2. Đối với trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>a) Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>1. Trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận:</p> <p>a) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 15.000 đồng/giấy. <p>b) Cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 600.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy. <p>2. Đối với trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>b) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; <p>b) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TT/C theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN/QSDĐ, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSGTSGGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
9	1.012763	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (1)	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. c) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	1. Đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận: a) Đối với hồ sơ tổ chức: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.840.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 2.090.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất. b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 2. Đối với trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận: a) Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	1. Đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận: a) Đối với hồ sơ tổ chức: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.748.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.985.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất. b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 2. Đối với trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận: a) Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	1. Trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận: a) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 15.000 đồng/giấy. b) Cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 600.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy. 2. Đối với trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận: a) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; b) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	
10	1.012764	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhân chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	- Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - 15 ngày kể từ ngày nhận được chi đạo của UBND cấp tỉnh; - Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của cơ quan có chức năng quản lý đất đai.	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. c) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính	(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	Không có	Không có	Không có	Không có	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	Nội dung thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSHSGGLVD		Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSGTSGGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
11	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	- Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu (4). - Không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (4).	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (nếu được ủy quyền) (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	* Đối với hồ sơ tổ chức: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.840.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 2.090.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.	* Đối với hồ sơ tổ chức: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.748.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.985.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.	* Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 120.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 600.000 đồng/giấy.	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
12	1.012754	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	- Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu (3). - Không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (3).	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (nếu được ủy quyền) (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thuế, cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện.	* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 15.000 đồng/giấy. * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy.	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
13	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Không quá 20 ngày làm việc (4)	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc bộ phận một cửa cấp xã b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Ủy ban nhân dân cấp xã	không có	không có	không có	không có	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
14	1.01.2765	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	- Không quá 10 ngày làm việc đối với thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (3).	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15. Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
15	1.01.2820	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuộc của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Không quá 10 ngày làm việc (3)	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh;	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TTIC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSGTSGLVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
16	1.012766	Xóa đăng ký thuế, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Không quá 03 ngày làm việc (3)	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	Văn phòng đăng ký đất đai	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận; + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp; + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp; + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp; + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp; + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	
17	1.012768	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc tổ thay đổi quyền đối với thửa đất liên kế; giảm diện tích thửa đất do sát lộ tự nhiên	Không quá 05 ngày làm việc đối với thủ tục đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (3). Không quá 07 ngày làm việc đối với thủ tục thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc tổ thay đổi quyền đối với thửa đất liên kế (3)	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp; + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp thay đổi thông tin: 930.000 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 540.000 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp; + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp; + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp thay đổi thông tin: 883.500 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 513.000 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp; + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN/QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
18	1.012769	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	- Không quá 10 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận (3). - Không quá 07 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký (3)	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
19	1.012770	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức	Không quá 08 ngày làm việc (4)	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.	* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.	* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy.	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSGTSGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
20	1.012722	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bản tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhân quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhân quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> Không quá 08 ngày làm việc hoặc Không quá 15 ngày làm việc hoặc Không quá 10 ngày làm việc (3). 	<ul style="list-style-type: none"> a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh; 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có) 	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<ul style="list-style-type: none"> Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15. Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
21	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đăng sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Không quá 10 ngày làm việc (3) 	<ul style="list-style-type: none"> a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh; 	<ul style="list-style-type: none"> Văn phòng đăng ký đất đai 	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSGTSGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
22	1.012794	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Không quá 05 ngày làm việc (4)		(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;</p>	<p>Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
23	1.012795	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	Thực hiện trong ngày làm việc nhận được đủ hồ sơ xóa nợ, nếu thời điểm nhận đủ hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể giải quyết việc xóa nợ trong ngày làm việc tiếp theo (3).		Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	<p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;</p>	<p>Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

STT	Mã TTIC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSGTSGLVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
24	1.012815	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Không quá 10 ngày làm việc (3)	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<p>Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
25	1.012813	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Không quy định	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	<p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<p>Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
26	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Không quá 10 ngày làm việc đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phân diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận (3)	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Ủy ban nhân dân cấp xã (3) Cơ quan thuế (nếu có)	* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
27	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phân diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở (3)	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Ủy ban nhân dân cấp huyện (3) Cơ quan thuế (nếu có)	1. Trường hợp UBND huyện cấp Giấy chứng nhận: Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 2. Trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận: Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	1. Trường hợp UBND huyện cấp Giấy chứng nhận: Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 2. Trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận: Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.	1. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: a) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; 2. Trường hợp chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: a) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; b) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;	Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
28	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> Không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 (3); Không quá 10 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1a hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh; Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo đạc lập bản đồ địa chính thì thời gian thực hiện theo dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (3). 	<ul style="list-style-type: none"> Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh; 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có) 	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 940.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 940.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 810.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp Giấy chứng nhận về tài sản: 810.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp Giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.080.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 940.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 893.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 769.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp Giấy chứng nhận về tài sản: 769.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp Giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.026.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; <p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 60.000 đồng/giấy; Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<ul style="list-style-type: none"> Miền giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
29	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	<ul style="list-style-type: none"> Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (3) 	<ul style="list-style-type: none"> Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh; 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai 	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; <p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 60.000 đồng/giấy; Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<ul style="list-style-type: none"> Miền giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TTIC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
30	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất (3).		(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Ủy ban nhân dân cấp xã	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 990.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 940.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 810.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp Giấy chứng nhận về tài sản: 810.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp Giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.080.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 940.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 893.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 769.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp Giấy chứng nhận về tài sản: 769.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp Giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.026.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tô chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; - Tô chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<p>Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(5) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(6) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung THHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
31	1.012788	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất theo quy định (3).		(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (nếu được ủy quyền) (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; <p>Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tô chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; - Tô chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<p>Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(5) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(6) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung THHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSGLVĐ		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSGTSGLVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
32	1.012790	Đình chính Giấy chứng nhận đã cấp	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất (3).		<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (nếu được ủy quyền)</p> <p>(3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện;</p> <p>b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; thông nhất (3).</p> <p>c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh;</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 930.000 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 540.000 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 310.000 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 190.000 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 883.500 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 513.000 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 294.500 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động ca đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận do thay đổi thông tin: 180.500 đồng/hồ sơ/Thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy;</p> <p>- Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 24.000 đồng/giấy;</p> <p>- Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy;</p> <p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy;</p> <p>- Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa : 60.000 đồng/giấy;</p> <p>- Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thống tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSLVD		Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSGTSLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
33	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	<ul style="list-style-type: none"> Không quá 25 ngày làm việc đối với thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp (3); Trường hợp cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: Không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu, thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận (3); Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biến động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ(3). 	<ul style="list-style-type: none"> a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh; 	<ul style="list-style-type: none"> (1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (nếu được ủy quyền) (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) UBND cấp xã 	<ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận cấp lần đầu: <ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.840.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 2.090.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức để nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. b) Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận được cấp trong trường hợp đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất: <ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 990.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 940.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp tổ chức để nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 810.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Cấp Giấy chứng nhận về tài sản: 810.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Cấp Giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.080.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. c) Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận cấp lần đầu: <ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.748.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.985.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức để nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. b) Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận được cấp trong trường hợp đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất: <ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 940.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 893.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp tổ chức để nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 769.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Cấp Giấy chứng nhận về tài sản: 769.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Cấp Giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.026.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận cấp lần đầu: <ul style="list-style-type: none"> * Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 600.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy. b) Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận được cấp trong trường hợp đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất: <ul style="list-style-type: none"> * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; * Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 	

STT	Mã TTIC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSGTSG/LVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
34	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất (3).	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh;	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. (2) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp, cơ quan thuế, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (nếu có)	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<p>Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
35	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất (3).	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh;	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. (2) Cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng, thuế, kho bạc (nếu có)	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; 	<p>Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSHTSGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp		Trực tuyến			
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
36	1.012789	Cung cấp dữ liệu đất đai	Thời hạn tiếp nhận, xử lý và thông báo: trong ngày làm việc, trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời cho tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai biết trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.		(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.	<p>Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:</p> <p>I. Hồ sơ tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 32.800 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Hồ sơ về thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ: Trang tài liệu khác 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Hồ sơ thành tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại và đất đai: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 32.800 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Hồ sơ địa chính: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 32.800 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Hồ sơ đánh giá đất: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Hồ sơ thẩm định và bồi thường: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Hồ sơ chống ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học về đất đai: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Số liệu phân hạng, đánh giá đất: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Số liệu tài liệu thô nhưỡng: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Số liệu tài liệu bản đồ đất: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). Số liệu điều tra về giá đất: 10.000 đồng/ thửa. Atlas Đồng Nai: 400.000 đồng/ lớp dữ liệu theo xã. Tài liệu kết quả đầu giá quyền sử dụng đất: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). <p>2. Các loại bản đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bản đồ phân hạng đất: 1.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp huyện (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 2.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh; 4.000.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất: 2.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 4.000.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất: 2.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 4.000.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. Các loại bản đồ trong Atlas Đồng Nai: 2.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ 	<p>Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:</p> <p>I. Hồ sơ tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 31.160 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Hồ sơ về thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ: Trang tài liệu khác 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Hồ sơ thành tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại và đất đai: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 31.160 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Hồ sơ địa chính: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 31.160 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Hồ sơ đánh giá đất: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Hồ sơ thẩm định và bồi thường: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Hồ sơ chống ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học về đất đai: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Số liệu phân hạng, đánh giá đất: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Số liệu tài liệu thô nhưỡng: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Số liệu tài liệu bản đồ đất: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). Số liệu điều tra về giá đất: 9.500 đồng/ thửa. Atlas Đồng Nai: 380.000 đồng/ lớp dữ liệu theo xã. Tài liệu kết quả đầu giá quyền sử dụng đất: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). <p>2. Các loại bản đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bản đồ phân hạng đất: 950.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp huyện (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 1.900.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh; 3.800.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất: 1.900.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 3.800.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất: 1.900.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 3.800.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. Các loại bản đồ trong Atlas Đồng Nai: 1.900.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đồng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 24/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường		

STT	Mã THHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSGGLVD		Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSGTSGGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp		Trực tuyến			
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
			<p>các cơ quan liên quan thì có thể hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc;</p> <p>c) Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai và tổ chức, cá nhân có thỏa thuận riêng về việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai thì thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận.</p>		(2) UBND cấp xã	<p>đang ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 4.000.000 đồng/mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia.</p> <p>- Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính: 150.000 đồng/mảnh tỷ lệ 1:200 (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; Trường hợp mảnh trích do địa chính thì mức thu tính bằng mức thu mảnh bản đồ dạng số Vector cùng tỷ lệ); 200.000 đồng/mảnh tỷ lệ 1:500; 250.000 đồng/mảnh tỷ lệ 1:1000; 500.000 đồng/mảnh tỷ lệ 1:2000; 750.000 đồng/mảnh tỷ lệ 1:5000; 1.000.000 đồng/mảnh tỷ lệ 1:10000.</p> <p>* Ghi chú:</p> <p>- Đối với các loại tài liệu đã có trong Phụ lục biểu mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai quy định tại Thông tư 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì cơ quan cung cấp thực hiện theo Phụ lục của Thông tư.</p> <p>- Mức thu phí quy định này chưa bao gồm chi phí vật tư (in kết quả, sao chép dữ liệu), chuyển kết quả của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho người nộp phí.</p>	<p>đang ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 3.800.000 đồng/mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia.</p> <p>- Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính: 142.500 đồng/mảnh tỷ lệ 1:200 (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; Trường hợp mảnh trích do địa chính thì mức thu tính bằng mức thu mảnh bản đồ dạng số Vector cùng tỷ lệ); 190.000 đồng/mảnh tỷ lệ 1:500; 237.500 đồng/mảnh tỷ lệ 1:1000; 475.000 đồng/mảnh tỷ lệ 1:2000; 712.500 đồng/mảnh tỷ lệ 1:5000; 950.000 đồng/mảnh tỷ lệ 1:10000.</p> <p>* Ghi chú:</p> <p>- Đối với các loại tài liệu đã có trong Phụ lục biểu mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai quy định tại Thông tư 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì cơ quan cung cấp thực hiện theo Phụ lục của Thông tư.</p> <p>- Mức thu phí quy định này chưa bao gồm chi phí vật tư (in kết quả, sao chép dữ liệu), chuyển kết quả của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho người nộp phí.</p>				
37	1.012792	<p>Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	<p>Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (2)</p>		<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh</p> <p>(3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(4) Cơ quan thuế (nếu có)</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>+ Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;</p> <p>- Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>* Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy;</p> <p>- Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy;</p> <p>- Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy;</p> <p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy;</p> <p>- Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy;</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(5) Nghị quyết 24/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Nội dung THHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	

STT	Mã TTIC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN/QSDĐ, QSGT/SLVD		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSGT/SLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp		Trực tuyến			
						Trực tiếp		Trực tuyến			
38	1.012802	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (2)	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	<p>1. Đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận: a) Đối với hồ sơ tổ chức: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.260.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.840.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 2.090.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận tập thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận thửa đất. b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 880.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.250.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 2. Đối với trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận: a) Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.130.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.180.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.410.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.200.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 580.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 720.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 470.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 590.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>1. Đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận: a) Đối với hồ sơ tổ chức: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.197.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.748.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.985.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp thửa thứ hai thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận thửa đất. b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 836.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.187.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng. 2. Đối với trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận: a) Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.073.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.121.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.339.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 902.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.140.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp thửa thứ hai thu 50.000 đồng/GCN/thửa đất. b) Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 551.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 684.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 427.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động về tài sản: 446.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 560.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN; - Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 50.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng.</p>	<p>1. Trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận: a) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 15.000 đồng/giấy. b) Cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 600.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 120.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy. 2. Đối với trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận: a) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 24.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 12.000 đồng/giấy; b) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 60.000 đồng/giấy; - Công đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc các xã, thị trấn các huyện, các xã thành phố Long Khánh và Biên Hòa: 30.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. (5) Nghị quyết 24/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>	Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSGGLVD		Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSGTSGGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
39	1.012803	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức	- Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp (2). - Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị đối với gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (2).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Cơ quan thuế (nếu có)					(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/ND-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
40	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Không quá 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian Công ty nông, lâm nghiệp hoàn thiện hồ sơ và gửi Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (3) Các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất (nếu có)					(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/ND-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
41	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai; Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.	Gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp tại Ban Tiếp công dân tỉnh	(1) UBND cấp tỉnh (2) UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các phòng ban của UBND cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường (nếu có)					(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/ND-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Mã TT/C	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN/QSDĐ, QSGT/SGLVD		Lệ phí cấp GCN/QSDĐ, QSGT/SGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
II. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM											
STT	Mã TT/C	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm				Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến				
1	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh;	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	* Đối với Tổ chức: - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất: 590.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất: 580.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất: 760.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: 580.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: 760.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng không phải là nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khác theo quy định của pháp luật: 760.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất: 280.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất: 330.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất: 410.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: 330.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: 410.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng không phải là nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khác theo quy định của pháp luật: 410.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.	* Đối với Tổ chức: - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất: 560.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất: 551.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất: 722.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: 551.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: 722.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng không phải là nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khác theo quy định của pháp luật: 722.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất: 266.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất: 313.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất: 389.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: 313.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: 389.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng không phải là nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khác theo quy định của pháp luật: 389.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.			- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ - Nghị quyết 23/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TH/C thực hiện theo Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư Pháp
2	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh;	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	* Đối với Tổ chức: - Thay đổi nội dung thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 590.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp riêng đối với tài sản: 580.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 760.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Thay đổi nội dung thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 280.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp riêng đối với tài sản: 330.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 410.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.	* Đối với Tổ chức: - Thay đổi nội dung thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 560.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp riêng đối với tài sản: 551.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 722.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Thay đổi nội dung thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 266.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp riêng đối với tài sản: 313.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 389.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.	Không có	Không có	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ - Nghị quyết 23/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TH/C thực hiện theo Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư Pháp

STT	Mã TTIC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSGLVĐ		Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSGTSGLVĐ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
3	1.011443	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoãn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	* Đối với Tổ chức: - Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất: 590.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Xóa đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản: 580.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Xóa đăng ký thế chấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 750.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất: 280.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Xóa đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản: 330.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Xóa đăng ký thế chấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 410.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.	* Đối với Tổ chức: - Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất: 560.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Xóa đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản: 551.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Xóa đăng ký thế chấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 712.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất: 266.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Xóa đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản: 313.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Xóa đăng ký thế chấp giấy chứng nhận đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất: 389.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.	Không có	Không có	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ - Nghị quyết 23/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư Pháp
4	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoãn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	* Đối với Tổ chức: - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 530.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản: 510.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 680.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 230.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản: 280.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 360.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.	* Đối với Tổ chức: - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 503.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản: 484.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 646.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 218.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản: 266.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 342.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.	Không có	Không có	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ - Nghị quyết 23/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư Pháp
5	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoãn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	* Đối với Tổ chức: - Thay đổi nội dung thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 590.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp riêng đối với tài sản: 580.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 760.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Thay đổi nội dung thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 280.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp riêng đối với tài sản: 330.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 410.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.	* Đối với Tổ chức: - Thay đổi nội dung thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 560.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp riêng đối với tài sản: 551.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 722.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với Hộ gia đình, cá nhân: - Thay đổi nội dung thế chấp bằng giấy CN quyền sử dụng đất: 266.000 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp riêng đối với tài sản: 313.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; - Thay đổi nội dung thế chấp đối với ca đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai: 389.500 đồng/Hồ sơ/Thửa/GCN; * Đối với 01 hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận tăng thêm (từ giấy chứng nhận thứ 2) được tính 50.000 đồng/GCN.	Không có	Không có	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ - Nghị quyết 23/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTIC thực hiện theo Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư Pháp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSHTSGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến				
III. LINH VỰC TỔNG HỢP													
1	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	05 ngày làm việc		Sở Tài nguyên và Môi trường	<p>Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:</p> <p>1. Hồ sơ tài liệu: - Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 32.800 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Hồ sơ về thông tin, dữ liệu, sản phẩm đồ đạc và bản đồ: Trang tài liệu khác 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Hồ sơ thành tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 32.800 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Hồ sơ địa chính: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 32.800 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Hồ sơ đánh giá đất: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Hồ sơ thẩm định và bồi thường: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Hồ sơ chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học về đất đai: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Số liệu phân hạng, đánh giá đất: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Số liệu tài liệu thô nhúng: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Số liệu tài liệu bản đồ đất: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Số liệu điều tra về giá đất: 10.000 đồng/ thửa. - Atlas Đồng Nai: 400.000 đồng/ lớp dữ liệu theo xã. - Tài liệu kết quả đầu giá quyền sử dụng đất: 8.200 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang). - Các loại bản đồ: - Bản đồ phân hạng đất: 1.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp huyện (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 2.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh; 4.000.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. - Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất: 2.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 4.000.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất: 2.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức</p>	<p>Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:</p> <p>1. Hồ sơ tài liệu: - Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 31.160 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Hồ sơ về thông tin, dữ liệu, sản phẩm đồ đạc và bản đồ: Trang tài liệu khác 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Hồ sơ thành tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 31.160 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Hồ sơ địa chính: Bản sao, trích sao GCN QSDĐ, QSHTSGLVD 31.160 đồng/ GCN scan (quét); Trang tài liệu khác 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Hồ sơ đánh giá đất: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Hồ sơ thẩm định và bồi thường: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Hồ sơ chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học về đất đai: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Số liệu phân hạng, đánh giá đất: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Số liệu tài liệu thô nhúng: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Số liệu tài liệu bản đồ đất: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Số liệu điều tra về giá đất: 9.500 đồng/ thửa. - Atlas Đồng Nai: 380.000 đồng/ lớp dữ liệu theo xã. - Tài liệu kết quả đầu giá quyền sử dụng đất: 7.790 đồng/ trang tài liệu scan (quét) hoặc trang tài liệu số (mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên, từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 855 đồng/trang). - Các loại bản đồ: - Bản đồ phân hạng đất: 950.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp huyện (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 1.900.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh; 3.800.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. - Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất: 1.900.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 3.800.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia. - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất: 1.900.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức</p>	- Tổ chức: 36.000 đồng/lần - Hồ gia đình, cá nhân: 18.000 đồng/lần	(1) Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	(2) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tài nguyên và môi trường	Quyết định số 1236/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	(3) Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.	(4) Nghị quyết 24/2024/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSGGLVD		Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSGTSGGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
						<p>thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 4.000.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia.</p> <p>- Các loại bản đồ trong Atlas Đồng Nai: 2.000.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 4.000.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia.</p> <p>- Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính: 150.000 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:200 (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; Trường hợp mảnh trích đo địa chính thì mức thu tính bằng mức thu mảnh bản đồ dạng số Vector cùng tỷ lệ); 200.000 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:500; 250.000 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:1000; 500.000 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:2000; 750.000 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:5000; 1.000.000 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:10000.</p> <p>* Ghi chú: - Đối với các loại tài liệu đã có trong Phụ lục biểu mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai quy định tại Thông tư 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì cơ quan cung cấp thực hiện thu theo Phụ lục của Thông tư. - Mức thu phí quy định này chưa bao gồm chi phí vật tư (in kết quả, sao chép dữ liệu), chuyển kết quả của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho người nộp phí.</p>	<p>thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 3.800.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia.</p> <p>- Các loại bản đồ trong Atlas Đồng Nai: 1.900.000 đồng/ mảnh bản đồ cấp tỉnh (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; 3.800.000 đồng/ mảnh bản đồ vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia.</p> <p>- Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính: 142.500 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:200 (mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng số Vector. Trường hợp mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG) thì mức thu tính bằng 50% mức thu mảnh bản đồ Vector cùng tỷ lệ; Trường hợp mảnh trích đo địa chính thì mức thu tính bằng mức thu mảnh bản đồ dạng số Vector cùng tỷ lệ); 190.000 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:500; 237.500 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:1000; 475.000 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:2000; 712.500 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:5000; 950.000 đồng/ mảnh tỷ lệ 1:10000.</p> <p>* Ghi chú: - Đối với các loại tài liệu đã có trong Phụ lục biểu mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai quy định tại Thông tư 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì cơ quan cung cấp thực hiện thu theo Phụ lục của Thông tư. - Mức thu phí quy định này chưa bao gồm chi phí vật tư (in kết quả, sao chép dữ liệu), chuyển kết quả của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho người nộp phí.</p>				

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính mới	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ, QSGTSGGLVD		Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSGTSGGLVD		Căn cứ pháp lý	Ghi chú			
						Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến					
IV. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ														
1	1.011671	Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thông nhất với bên yêu cầu cung cấp		Sở Tài nguyên và Môi trường	<p>Phi khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:</p> <p>1. Số liệu của mạng lưới đo đạc quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia: Cấp 0: 340.000 đồng/điểm; Hàng I: 250.000 đồng/điểm; hàng II: 220.000 đồng/điểm; Hàng III: 200.000 đồng/điểm (Áp dụng cho các điểm địa chính cơ sở); - Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia: Hàng I: 160.000 đồng/điểm; Hàng II: 150.000 đồng/điểm; Hàng III: 120.000 đồng/điểm - Số liệu của mạng lưới trong lực quốc gia: Điểm cơ sở: 200.000 đồng/điểm; Hàng I: 160.000 đồng/điểm; Hàng II: 140.000 đồng/điểm; - Ghi chú điểm tọa độ quốc gia, độ cao quốc gia, trong lực quốc gia: 20.000 đồng/tờ <p>2. Dữ liệu ảnh hàng không</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu ảnh hàng không kỹ thuật số: 250.000 đồng/file - Dữ liệu ảnh hàng không quét từ độ phân giải 16 µm: 250.000 đồng/file - Dữ liệu ảnh hàng không quét từ độ phân giải 20 µm: 200.000 đồng/file - Dữ liệu ảnh hàng không quét từ độ phân giải 22 µm: 150.000 đồng/file - Bình đồ ảnh số tỷ lệ: 1:2.000; 1:5.000; 60.000 đồng/mảnh - Bình đồ ảnh số tỷ lệ: 1:10.000; 1:25.000; 1:50.000; 70.000 đồng/mảnh <p>3. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia: Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000: 400.000 đồng/mảnh; Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:5.000: 500.000 đồng/mảnh; Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000: 850.000 đồng/mảnh; Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000: 1.500.000; 1:100.000: 1.500.000 đồng/mảnh; Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000: 8.000.000 đồng/mảnh (1. Nếu chọn lọc nội dung theo dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau: a) Các nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu phí nhân với hệ số 1,2. b) Các nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; lớp phủ bề mặt: thu bằng 1/6 mức thu phí. 2. Nếu dữ thu phí sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thì không thu phí sử dụng bản đồ địa hình quốc gia định dạng số cùng tỷ lệ (chỉ áp dụng trong trường hợp khai thác theo thời gian và từ 07 nhóm lớp dữ liệu). 3. Trường hợp khai thác dữ liệu theo phạm vi địa lý thì bằng mức thu phí nhân với diện tích khu vực khai thác chia tổng diện tích các mảnh theo tỷ lệ tương ứng. (diện tích tối thiểu để khai thác bằng diện tích 01 mảnh bản đồ cùng tỷ lệ). - Hệ thống bản đồ địa hình quốc gia: <ul style="list-style-type: none"> + Bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy: Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn: 120.000 đồng/mảnh; Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000: 130.000 đồng/mảnh; Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000: 140.000 đồng/mảnh; Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000 và nhỏ hơn: 170.000 đồng/mảnh <p>a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;</p> <p>b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>c) Nộp trực tuyến;</p> <p>Nộp qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia</p>	Không có	Không có	(1) Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.	(2) Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.	(3) Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.	(4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	(5) Thông tư 47/2024/TT-BTC ngày 10/07/2024 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Trưởng Bộ Tài chính ban hành	Nội dung TTHC Quyết định số 3096/QĐ-BTNMT ngày 26/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
						<p>4. Bản đồ hành chính định dạng số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ hành chính định dạng dng, gsb: Bản đồ hành chính Việt Nam: 4.000.000 đồng/bộ; Bản đồ hành chính cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/bộ; Bản đồ hành chính cấp huyện: 1.000.000 đồng/bộ; - Bản đồ hành chính định dạng geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG: Mức thu phí bằng 50% bản đồ hành chính định dạng dng, gsb cùng tỷ lệ <p>5. Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ trực tuyến qua môi trường mạng (định dạng WMS)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ hành chính Việt Nam: 100.000 đồng/01 năm/ tài khoản; - Bản đồ nền chiếu xuất từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000: 2.400.000 đồng/01 năm/ tài khoản; - Bản đồ nền chiếu xuất từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000: 6.600.000 đồng/01 năm/ tài khoản (Gồm các dữ liệu: biên giới, địa giới; dân cư; giao thông; thủy văn); <p>6. Thông tin dữ liệu thu nhận từ mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu đo đồng thời gian thực: 750.000 đồng/01 tháng/ máy thu; 4.280.000 đồng/06 tháng/ máy thu; 6.750.000 đồng/12 tháng/ máy thu (Áp dụng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thêm máy trạm định vị vệ tinh quốc gia theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ); - Dữ liệu GNSS tĩnh 24 giờ: 220.000 đồng/trạm/ngày □ 	Không có	Không có						

Ghi chú:

(1) Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất

(2) Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất.

(3) Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chưa thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận.

(4) Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.